Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 21.10.2019 13:31:01 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2288/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 21 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện bổ sung Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2835/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2716/TTr-SNN ngày 30 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện "Bổ sung Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Tây Ninh", với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Sự cần thiết phải bổ sung Đề án

Căn cứ theo Điều 57, 59 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp có quy định về các đối tượng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR), theo đó, ngoài các đối tượng phải chi trả tiền DVMTR như Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Tây Ninh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2014; các đối tượng phải chi trả tiền DVMTR là cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước; đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính và cơ sở nuôi trồng thủy sản.

Do vậy, để thực hiện các quy định về Chính sách chi trả DVMTR theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí "Bổ sung Đề án Chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Tây Ninh" là cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý lập Đề án

- Luật Lâm nghiệp 2017.

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm nghiệp.

- Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/2/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành định mức lao động điều tra quy hoạch rừng.

- Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035.

- Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Tây Ninh năm 2016.

- Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Đồ án quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt đề án Chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Tây Ninh.

3. Tên Đề án:

"Bổ sung Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Tây Ninh".

4. Quy mô diện tích và đối tượng

Đối tượng được chi trả tiền DVMTR: các đơn vị chủ rừng, hộ gia đình hiện được giao quản lý rừng thuộc diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp là 71.672,85 ha, trong đó rừng đặc dụng là 32.002,66 ha, rừng phòng hộ là 29.808,29 ha và rừng sản xuất là 9.861,90 ha.

Đối tượng phải chi trả tiền DVMTR: Căn cứ Khoản 2 Điều 63 Luật Lâm nghiệp, các đối tượng gồm:

a) Cơ sở sản xuất thủy điện phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối, điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất thủy điện.

b) Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch.

c) Cơ sở sản xuất công nghiệp phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất công nghiệp.

d) Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng.

đ) Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn phải chi trả tiền dịch vụ về hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.

e) Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải chi trả tiền dịch vụ cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn, con giống tự nhiên, nguồn nước và các yếu tố từ môi trường, hệ sinh thái rừng cho nuôi trồng thủy sản.

g) Các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

5. Mục tiêu của Đề án

Bổ sung đối tượng thu, chi trả dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp 2017 và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Xác định được danh mục, sản lượng nước tiêu thụ của các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b) Xác định được diện tích rừng, đối tượng phải chi trả tiền cho việc cung ứng DVMTR cho các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

c) Xây dựng cơ cấu phân bổ kinh phí tiền DVMTR theo đúng quy định của pháp luật.

đ) Bổ sung cơ sở để theo dõi, cập nhật, tính toán mức chi trả DVMTR cho các đối tượng trong nhiều năm.

6. Nội dung của Đề án

a) Điều tra, thống kê các đối tượng thuộc bên sử dụng DVMTR (các đối tượng phải trả tiền DVMTR) là các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b) Điều tra, phân loại, thống kê các đối tượng thuộc bên cung ứng DVMTR (các đối tượng được chi trả tiền DVMTR) là chủ rừng của các khu rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại khoản 3, Điều 70, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

c) Xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các đối tượng được sử dụng.

7. Giới hạn của Đề án

a) Về đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng: Ngoài các đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng được quy định tại Quyết định số 2835/QĐ-UBND, Đề án này chỉ bổ sung đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng là các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nguồn nước từ dịch vụ môi trường rừng có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b) Về số liệu hiện trạng rừng: Sử dụng số liệu hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp theo Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035.

c) Về định mức chi trả tiền DVMTR: Thực hiện theo Điều 59, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về mức chi trả và xác định số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

8. Phương pháp thực hiện của Đề án

a) Rà soát, thu thập, đánh giá các tài liệu hiện có.

b) Điều tra, xác định các cơ sở sản xuất công nghiệp.

c) Điều tra, xác định đối tượng được chi trả dịch vụ môi trường rừng.

d) Tính toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

đ)Tổng hợp viết báo cáo đề án.

e) Tổ chức hội nghị kỹ thuật và hội nghị báo cáo nghiệm thu.

g) Trình duyệt và phê duyệt.

9. Thành quả của Đề án

a) Báo cáo thuyết minh Đề án.

b) Các loại bản đồ chuyên đề có liên quan chi trả dịch vụ môi trường rừng.

10. Thời gian và tổ chức thực hiện Đề án

a) Thời gian thực hiện và hoàn thành Đề án: Trong quý IV năm 2019.

b) Tổ chức thực hiện: Trách nhiệm của cơ quan chủ trì (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và cơ quan phối hợp để thực hiện Đề án.

11. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện: Tổng dự toán thực hiện là 498.726.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi sáu ngàn đồng chẵn).*

b) Nguồn vốn: Sử dụng nguồn kinh phí do Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam chuyển về cho Quỹ bảo vệ phát triển rừng Tây Ninh giai đoạn 2012-2015 (chưa thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Tây Ninh) chưa có đối tượng chi, chưa sử dụng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh

06KTTC_V NAM_QDUB 10

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến